



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thành Nghè	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)
Ông Quách Kim Long	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc
Ông Bùi Thế Hiền	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2026)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thanh Vân - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Tỉnh An Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Số: 2370/2026/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.11 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện rằng trong năm 2024, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch và đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp). Việc lợi nhuận đã được phân chia trong khi phần lớn khối lượng phụ phẩm liên quan vẫn chưa được tiêu thụ có thể dẫn đến yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng hiện thực hóa lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.211.135.754	146.931.474.725
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.198.734.582	12.044.409.494
1. Tiền	111		5.198.734.582	4.744.409.494
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	7.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.334.088.774	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	25.334.088.774	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.413.412.862	112.799.261.491
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	97.924.173.152	99.188.084.920
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.078.621.442	803.030.994
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	25.639.002.817	19.684.008.627
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10.306.915.573)	(6.966.394.074)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		78.531.024	90.531.024
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	12.095.003.709	21.135.259.101
1. Hàng tồn kho	141		18.066.954.689	26.308.647.720
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.971.950.980)	(5.173.388.619)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.895.827	952.544.639
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	37.545.000	30.340.482
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	132.350.827	922.204.157
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.018.806.390	32.759.429.955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		858.633.000	858.633.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	858.633.000	858.633.000
II. Tài sản cố định	220		21.027.967.862	18.685.656.081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	21.027.967.862	18.685.656.081
- Nguyên giá	222		63.212.962.447	57.845.406.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.184.994.585)	(39.159.750.554)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		925.591.988	581.615.179
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	925.591.988	581.615.179
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.956.213.357	7.956.213.357
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	7.956.213.357	7.956.213.357
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.250.400.183	4.677.312.338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.688.441.875	1.991.276.509
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.561.958.308	2.686.035.829
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		206.229.942.144	179.690.904.680


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

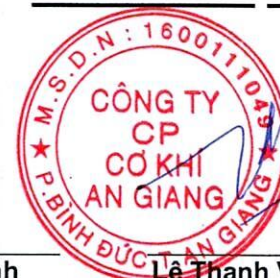
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.544.412.963	57.615.487.189
I. Nợ ngắn hạn	310		65.001.105.108	57.486.687.567
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	18.521.045.858	19.332.584.069
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.072.563.254	3.831.603.945
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.504.978.134	3.935.172.524
4. Phải trả người lao động	314		2.406.645.744	1.514.213.003
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.033.811.928	4.427.354.289
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	10.083.838.130	10.019.679.010
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1.151.675.526	565.048.645
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	1.722.496.418	2.173.891.756
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	19.504.050.116	11.687.140.326
II. Nợ dài hạn	330		1.543.307.855	128.799.622
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	1.543.307.855	128.799.622
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		139.685.529.181	122.075.417.491
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	139.612.993.278	122.002.881.588
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.848.061.799	18.848.061.799
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.418.232.123	3.418.232.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.482.659.356	66.872.547.666
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.719.328.419	48.145.679.716
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		51.763.330.937	18.726.867.950
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		72.535.903	72.535.903
1. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	72.535.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		206.229.942.144	179.690.904.680


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	162.421.815.235	182.953.363.033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		162.421.815.235	182.953.363.033
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	145.240.803.895	162.940.686.354
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.181.011.340	20.012.676.679
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	67.647.579.654	23.393.836.890
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	304.953.644	362.935.316
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		111.843.564	357.519.506
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.11	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.130.655.384	794.394.054
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.382.901.305	17.956.909.463
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		67.010.080.661	24.292.274.736
12. Thu nhập khác	31		457.898.566	2.872
13. Chi phí khác	32		432.452.042	211.141.998
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		25.446.524	(211.139.126)
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.035.527.185	24.081.135.610
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.292.777.760	878.937.507
17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	V.13	538.585.754	(581.386.835)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		65.204.163.671	23.783.584.938
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		65.204.163.671	23.783.584.938
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	15.751	5.306
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	15.751	5.306


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.035.527.185	24.081.135.610
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.446.450.864	2.743.483.465
Các khoản dự phòng	03	3.687.688.522	1.364.157.707
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	54.520	(2.307.241)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(67.612.394.219)	(23.349.498.246)
Chi phí lãi vay	06	111.843.564	357.519.506
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.669.170.436	5.194.490.801
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	1.457.141.925	(36.942.228.414)
Giảm hàng tồn kho	10	8.241.693.031	15.506.817.382
Giảm các khoản phải trả (không kể Giảm vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(833.287.337)	(3.422.663.438)
Giảm chi phí trả trước	12	295.630.116	674.028.915
Tiền lãi vay đã trả	14	(109.534.206)	(363.479.055)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(899.523.573)	(1.891.102.411)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.020.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.920.122.191)	(4.664.321.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.908.188.201	(25.908.457.944)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.132.739.454)	(1.108.317.211)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.334.088.774)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	34.300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.990.432.754	11.971.778.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.523.604.526	45.163.460.834
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.324.792.665	29.724.409.755
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.738.165.784)	(34.005.383.885)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.864.040.000)	(16.432.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.277.413.119)	(20.712.994.130)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.154.379.608	(1.457.991.240)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	12.044.409.494	13.500.093.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(54.520)	2.307.241
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	17.198.734.582	12.044.409.494

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng

Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cơ khí An Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở Kế hoạch và Đầu tư) tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần điều chỉnh trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc cập nhật địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 đồng, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang (trước đây là phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là CKA.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 154 người và 171 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty hiện đang đầu tư vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang (tên công ty viết tắt là "Công ty TNHH Liên doanh Antraco") (i)	Tỉnh An Giang	50%	49%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

(i) Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã được gia hạn quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng đến ngày 26 tháng 6 năm 2027 theo Quyết định số 411/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày này. Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các văn bản có liên quan. Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho các kỳ kế toán sau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Góp vốn liên doanh** (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ngoại tệ** (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	330.073.605	210.359.288
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.868.660.977	4.534.050.206
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	7.300.000.000
Cộng	17.198.734.582	12.044.409.494

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn	25.334.088.774	-

Số dư cuối kỳ của tiền gửi có kỳ hạn bao gồm số tiền 1.334.088.774 đồng được dùng để cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Công ty (*chi tiết xem thêm tại Thuyết minh V.19*).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thành Luân 68	19.119.141.700	-
Công ty Cổ phần Kiến Thành Phú Quốc	3.235.437.290	11.419.097.874
Các đối tượng khác	75.569.594.162	87.768.987.046
Cộng	97.924.173.152	99.188.084.920

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	1.172.568.672	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn 620	319.560.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thiên Phúc AP	-	362.076.603
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng TMDV Hồng Nhung	-	120.000.000
Công ty TNHH Công trình Giao thông Tây Nam Á	-	103.000.000
Các đối tượng khác	586.492.770	217.954.391
Cộng	2.078.621.442	803.030.994

5. Phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	23.560.306.803	17.004.459.590
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	1.209.813.289	1.765.475.371
Tạm ứng cho nhân viên	173.000.000	387.376.706
Phải thu lãi tiền gửi	182.563.223	116.448.971
Các khoản phải thu khác	513.319.502	410.247.989
Cộng	25.639.002.817	19.684.008.627
b. Dài hạn		
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	858.633.000	858.633.000
Tổng cộng	26.497.635.817	20.542.641.627
Trong đó, phải thu từ bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)	23.560.306.803	17.004.459.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.973.166.109	13.666.250.536	(10.306.915.573)	10.382.834.350	3.416.440.276	(6.966.394.074)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(6.966.394.074)	(6.438.258.118)
Trích lập dự phòng trong năm	(3.340.521.499)	(528.135.956)
Số dư cuối năm	(10.306.915.573)	(6.966.394.074)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.858.669.820	(1.305.481.933)	8.804.676.381	(1.258.599.909)
Công cụ, dụng cụ	132.061.226	(132.061.226)	132.061.226	(132.061.226)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.215.177.641	(577.912.857)	13.153.280.010	(577.912.857)
Thành phẩm	1.529.983.798	(1.665.656.116)	1.773.161.079	(1.623.827.190)
Hàng hóa	2.331.062.204	(2.290.838.848)	2.445.469.024	(1.580.987.437)
Cộng	18.066.954.689	(5.971.950.980)	26.308.647.720	(5.173.388.619)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(5.173.388.619)	(4.337.366.868)
Trích lập dự phòng bổ sung	(798.562.361)	(836.021.751)
Số dư cuối năm	(5.971.950.980)	(5.173.388.619)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	20.487.544.356	29.522.188.885	7.701.247.030	134.426.364	57.845.406.635
Mua tài sản trong năm	-	1.448.634.889	-	-	1.448.634.889
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.821.978.040	602.391.082	-	-	4.424.369.122
Thanh lý nhượng bán	-	(505.448.199)	-	-	(505.448.199)
Số dư cuối năm	24.309.522.396	31.067.766.657	7.701.247.030	134.426.364	63.212.962.447
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.311.262.736	19.605.017.165	6.135.910.956	107.559.697	39.159.750.554
Khấu hao trong năm	1.498.119.374	1.662.642.450	269.569.040	16.120.000	3.446.450.864
Thanh lý nhượng bán	-	(421.206.833)	-	-	(421.206.833)
Số dư cuối năm	14.809.382.110	20.846.452.782	6.405.479.996	123.679.697	42.184.994.585
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.176.281.620	9.917.171.720	1.565.336.074	26.866.667	18.685.656.081
Số dư cuối năm	9.500.140.286	10.221.313.875	1.295.767.034	10.746.667	21.027.967.862

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 16.017.032.027 đồng và 14.264.078.539 đồng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá lần lượt là 1.112.483.045 đồng và 977.483.045 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày đầu năm và cuối năm là giá trị của phần mềm kế toán với nguyên giá là 65.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức	520.600.000	520.600.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	404.991.988	61.015.179
Cộng	925.591.988	581.615.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	7.956.213.357	-
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		7.956.213.357		7.956.213.357

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của khoản đầu tư này.

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	7.956.213.357	7.956.213.357
Thay đổi trong năm		
Lợi nhuận trong năm của Công ty liên doanh	170.118.678.329	78.630.134.259
Thu nhập khác (i)	21.395.203.200	(21.395.203.200)
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác	(57.663.122.019)	(13.226.011.879)
Lợi nhuận thuộc phần sở hữu của nhà đầu tư	133.850.759.510	44.008.919.180
Tỷ lệ được chia	50%	50%
Trừ: Lợi nhuận đã chia trong năm cho Công ty (xem thuyết minh VI.3)	66.925.379.755	22.004.459.590
Số dư cuối năm	7.956.213.357	7.956.213.357

(i) Trong năm 2024, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tầng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch và đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tầng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.545.000	30.340.482
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng chờ phân bổ (i)	1.041.666.666	1.250.000.000
Chi phí sửa chữa tài sản	451.310.408	550.191.396
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	195.464.801	191.085.113
Cộng	1.688.441.875	1.991.276.509
Tổng cộng	1.725.986.875	2.021.616.991

(i) Số dư thể hiện chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Dự phòng tổn thất đầu tư trong công ty con VND	Các khoản dự phòng VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Số dư đầu năm trước	942.948.694	-	1.400.969.057	2.343.917.751
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	65.701.393	-	(407.819.471)	(342.118.078)
Số dư đầu năm nay	877.247.301	-	1.808.788.528	2.686.035.829
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	4.883.299	-	(880.805.778)	(875.922.479)
Số dư cuối năm nay	872.364.002	-	2.689.594.306	3.561.958.308
b. Thuế hoãn lại phải trả				
Số dư đầu năm trước	72.000.000	296.068.379	-	368.068.379
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(55.103.754)	(184.165.003)	-	(239.268.757)
Số dư đầu năm nay	16.896.246	111.903.376	-	128.799.622
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	297.232.163	1.117.276.070	-	1.414.508.233
Số dư cuối năm nay	314.128.409	1.229.179.446	-	1.543.307.855
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				538.585.754

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hoặc khi các khoản nợ phải trả được thanh toán, hiện được ước tính ở mức 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả người bán đồng thời cũng là giá trị có khả năng thanh toán. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thép Nam Phát	4.403.733.293	2.140.661.321
Công ty Cổ phần Kim khí Bình Dương	3.499.601.215	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phát	-	4.937.904.455
Các đối tượng khác	10.617.711.350	12.254.018.293
Cộng	18.521.045.858	19.332.584.069
 Trong đó, phải trả cho bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)	 205.603.994	 405.603.994

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Tam Long	211.680.000	-
Ông Nguyễn Văn Duẩn	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Phương Thanh	126.800.000	-
Ông Lê Đức Hùng	130.000.000	130.000.000
Công ty TNHH Vietsun Pacific	-	660.000.000
Japan Insulation Co., Ltd.	-	633.792.150
Công ty TNHH Sao Vàng	-	486.552.000
Các đối tượng khác	404.083.254	1.921.259.795
Cộng	1.072.563.254	3.831.603.945

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.818.903	-	-	8.818.903
Thuế thu nhập cá nhân	21.179.313	1.232.534.170	1.268.959.261	57.604.404
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	892.205.941	1.785.596.427	959.318.006	65.927.520
Cộng	922.204.157	3.018.130.597	2.228.277.267	132.350.827
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.835.648.951	4.679.448.221	4.502.896.798	4.012.200.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.523.573	1.292.777.760	899.523.573	492.777.760
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.501.409	7.501.409	-
Cộng	3.935.172.524	5.979.727.390	5.409.921.780	4.504.978.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	5.962.502.570	4.363.254.289
Chi phí phải trả khác	71.309.358	64.100.000
Cộng	6.033.811.928	4.427.354.289

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Tiền sử dụng đất phải nộp lại Nhà nước	2.370.727.402	2.370.727.402
Các khoản khác	578.299.545	514.140.425
Cộng	10.083.838.130	10.019.679.010

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i)	1.048.205.774	3.047.995.175	1.999.789.401	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (ii)	103.469.752	9.276.797.490	9.738.376.383	565.048.645
Cộng	1.151.675.526	12.324.792.665	11.738.165.784	565.048.645

(i) Số dư thể hiện các khoản vay có kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 12 tháng 9 năm 2026 với lãi suất từ 7,5% đến 8%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 13 tháng với tổng giá trị là 1.334.088.774 đồng.

(ii) Số dư thể hiện các khoản vay có kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 07 tháng 7 năm 2026 với lãi suất 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 1 tỷ đồng.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng bảo hành sản phẩm, công trình VND
Số dư đầu năm	2.173.891.756
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	912.190.115
Hoàn nhập dự phòng	(457.896.366)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(905.689.087)
Số dư cuối năm	1.722.496.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ khen thưởng	19.101.905.635	11.384.495.845
Quỹ phúc lợi	2.144.481	2.644.481
Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty	400.000.000	300.000.000
Cộng	19.504.050.116	11.687.140.326

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	11.687.140.326	9.134.885.641
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm trước	1.289.179.247	2.159.859.421
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm nay	13.440.832.734	5.056.716.938
Quỹ thưởng từ Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh An Giang	7.020.000	-
Quỹ thưởng từ Tổng Công ty	-	95.400.000
Sử dụng quỹ trong năm	(6.920.122.191)	(4.759.721.724)
Số dư cuối năm	19.504.050.116	11.687.140.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	68.794.250.176	123.924.584.098
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.783.584.938	23.783.584.938
Chia cổ tức	-	-	-	(16.432.020.000)	(16.432.020.000)
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.816.576.409)	(6.816.576.409)
Trích lập tiền sử dụng đất phải nộp lại	-	-	-	(2.056.691.039)	(2.056.691.039)
Số dư đầu năm nay	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	66.872.547.666	122.002.881.588
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	65.204.163.671	65.204.163.671
Chia cổ tức	-	-	-	(32.864.040.000)	(32.864.040.000)
Trích thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(14.230.011.981)	(14.230.011.981)
Số dư cuối năm nay	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	84.482.659.356	139.612.993.278

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi bao gồm 1.189.179.247 đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 13.040.832.734 đồng được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng Ban điều hành bao gồm 100 triệu đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 400 triệu đồng tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025. Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 100% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 32.864.040.000 đồng. Toàn bộ giá trị cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 50% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	103.149.627.761	44.712.922.465
Doanh thu xây dựng các loại cầu	43.194.109.197	125.405.725.025
Doanh thu bán hàng hóa	10.325.963.049	10.136.194.174
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.752.115.228	2.698.521.369
Cộng	162.421.815.235	182.953.363.033

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)

	-	327.083.400
--	---	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	89.508.049.651	38.007.427.066
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	42.171.572.973	114.468.644.011
Giá vốn bán hàng hóa	11.137.511.431	9.313.806.659
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.625.107.479	314.786.867
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	798.562.361	836.021.751
Cộng	145.240.803.895	162.940.686.354

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco	66.925.379.755	22.004.459.590
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	687.014.464	1.345.038.656
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	35.185.435	42.031.403
Lãi chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	2.307.241
Cộng	67.647.579.654	23.393.836.890

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)

66.925.379.755	22.004.459.590
----------------	----------------

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	193.055.560	5.415.810
Chi phí lãi vay	111.843.564	357.519.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	54.520	-
Cộng	304.953.644	362.935.316

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	313.500.000	120.580.000
Chi phí nhân viên	98.034.300	92.623.231
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.791.480	7.791.480
Chi phí vận chuyển, thuê tải	180.232.403	528.539.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	531.097.201	44.859.364
Cộng	1.130.655.384	794.394.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.648.774.865	9.389.157.538
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.889.952	313.923.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	507.637.040	515.752.072
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	7.000.000
Tiền thuê đất	1.105.516.084	4.342.596.903
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.340.521.499	528.135.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.922.376.027	2.359.281.795
Chi phí bằng tiền khác	798.185.838	501.061.690
Cộng	16.382.901.305	17.956.909.463

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.035.527.185	24.081.135.610
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	6.527.643.478	3.515.060.926
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(66.925.379.755)	(22.004.459.590)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác	562.967.604	-
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	2.280.370.407	2.014.831.320
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	(3.017.240.119)	(3.211.880.730)
Thu nhập chịu thuế	6.463.888.800	4.394.687.536
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	6.463.888.800	4.394.687.536
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.292.777.760	878.937.507

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	65.204.163.671	23.783.584.938
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(13.440.832.734)	(6.345.896.235)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.763.330.937	17.437.688.703
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.751	5.306

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ghi nhận theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt. Số trích lập của năm 2025 sẽ được Công ty ghi nhận chính thức căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2024 theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025. Ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	23.783.584.938	-	23.783.584.938
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(7.216.576.409)	870.680.174	(6.345.896.235)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.567.008.529	870.680.174	17.437.688.703
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	-	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.041	265	5.306

Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng chính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.032.857.241	115.420.873.668
Chi phí nhân công	21.578.211.284	25.101.209.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.351.451.634	2.634.878.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.661.305.121	10.594.747.884
Chi phí khác bằng tiền	2.011.599.107	3.549.647.554
Cộng	154.635.424.387	157.301.356.865

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH Liên doanh Antraco
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty liên doanh
Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Lợi nhuận được chia	66.925.379.755	22.004.459.590
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	-	327.083.400
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	250.796.800

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chia cổ tức	15.580.720.000	7.790.360.000
-------------	----------------	---------------

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	23.560.306.803	17.004.459.590
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	205.603.994	405.603.994

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch	60.000.000	48.000.000
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Ông Trần Văn Thái	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty	30.000.000	18.000.000
Cộng		282.000.000	210.000.000
Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thành Nghè	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)	33.000.000	18.000.000
Ông Quách Kim Long	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)	40.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên	30.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Tinch	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)	5.000.000	-
Cộng		108.000.000	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)**Tiền lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc	806.097.636	759.745.091
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	514.965.000	488.737.182
Cộng		1.321.062.636	1.248.482.273

2. Các cam kết**Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	1.769.276.853	6.400.654.743

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.423.194.064	1.769.276.853
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.686.514.961	21.675.471.997
Sau năm năm	1.504.472.308	6.446.933.333
Cộng	29.614.181.332	29.891.682.183

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m2 đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m2 đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m2 đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m2 đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Các cam kết** (tiếp theo)**Cam kết không hủy ngang**

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (*ngày kết thúc thời hạn thuê đất*). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

3. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty hiện đang trong quá trình làm việc với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền bị truy thu với giá trị ước tính 2,2 tỷ đồng từ sử dụng một phần diện tích đất thuê của Nhà Nước chưa đúng mục đích. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa có quyết định chính thức từ cơ quan quản lý Nhà nước. Để đảm bảo việc thanh toán cho nghĩa vụ này, Công ty đã tiến hành trích lập quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 2.056.691.039 đồng trong năm 2024 và đã được cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam và các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý. Do vậy, Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu



Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

